

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2025/TLST - HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Anh Phạm Văn S, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà C, tổ H, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà C, tổ H, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn S trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn S là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 02/2017, ngày 07/02/2007 của UBND thị trấn C nay là thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Đến nay chị N và anh S đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên cần được chấp nhận.

[2] Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn S đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình, về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn S.

- Về việc nuôi con: chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn S có 02 con chung là cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 12/6/2007 và cháu Phạm Lâm V, sinh ngày 20/11/2012. Chị N và anh S thỏa thuận như sau:

Chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phạm Lâm V cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Văn S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phạm Khánh L cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Phạm Văn S và chị Nguyễn Thị N thỏa thuận không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Văn S và chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh S, chị N thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản: chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn S thỏa thuận anh S là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận anh Phạm Văn S đã nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001305 ngày 26/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND TP Lai Châu;
- Chi cục THA dân sự TP Lai Châu;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Nga